

**BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TPL24BTS
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025**

ST T	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Tin học(2)	Luật Hình sự và Tổ tụng HS(4)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Lao động(2)	Luật Thương mại(2)	Luật Thuế(1)	Điểm TB	Xếp loại
01	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996	7.0	8.3	8.8	6.5	8.8	7.1	7.6	7.9	Khá
02	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990	9.3	8.9	8.7	8.6	9.0	8.7	9.0	8.9	Giỏi
03	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988	7.8	8.2	8.8	7.5	8.5	7.4	6.8	8.1	Giỏi
04	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992	7.3	7.9	2.3	7.2	2.0	1.5	8.2	4.8	Yếu
05	2453801010006	Trần Cường Em	03/10/1993	9.0	9.3	9.2	8.3	9.3	8.3	9.0	9.0	Xuất sắc
06	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	20/05/1991	8.1	9.2	3.6	8.3	3.5	3.0	7.5	5.9	Trung bình
07	2453801010008	Lê Huỳnh Hảo	28/06/1983	7.9	9.2	9.6	7.7	9.5	8.7	6.3	8.7	Giỏi
08	2453801010009	Lê Hùng Hào	13/08/1995	9.3	9.6	9.8	8.0	8.8	8.3	9.1	9.2	Xuất sắc
09	2453801010010	Trần Vĩ Khang	06/11/2004	9.2	9.3	9.0	8.3	9.1	7.8	8.7	8.9	Giỏi
10	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh Khoa	31/08/2008	8.3	8.8	3.2	8.0	3.2	3.2	7.0	5.7	Trung bình
11	2453801010012	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/04/1998	8.6	9.3	9.5	7.7	8.8	8.5	8.5	8.9	Giỏi
12	2453801010013	Phan Hoàng Phú Lâm	22/12/2001	8.8	8.5	3.0	8.3	2.0	2.0	6.5	5.4	Trung bình
13	2453801010014	Nguyễn Thị Thuỳ Liên	19/08/2003	9.0	9.2	9.3	8.6	8.6	8.2	8.9	8.9	Giỏi
14	2453801010016	Võ Quang Linh	05/02/1987	8.1	8.6	9.3	9.2	9.2	8.7	7.6	8.7	Giỏi
15	2453801010017	Đỗ Thành Lợi	10/10/2004	8.8	9.2	8.9	7.1	9.2	7.2	6.0	8.4	Giỏi
16	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học Luật	20/10/1987	7.8	8.2	9.6	8.6	8.8	8.6	8.0	8.6	Giỏi
17	2453801010019	Lâm Thị Trúc Ly	01/01/1989	8.3	9.0	8.9	8.9	9.3	8.2	8.5	8.7	Giỏi
18	2453801010020	Huỳnh Thị Thu Lý	28/06/1992	9.0	9.2	9.8	8.9	9.5	8.9	8.3	9.2	Xuất sắc
19	2453801010021	Hứa Hoàng Nam	04/11/1982	8.0	9.2	8.7	8.9	7.9	5.6	6.1	8.0	Giỏi
20	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên Nga	06/02/1987	8.3	8.6	8.7	8.9	8.2	7.7	6.1	8.3	Giỏi

ST T	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Tin học(2)	Luật Hình sự và Tổ tụng HS(4)	Pháp luật về công chứng, chứng thực(1)	Luật Lao động(2)	Luật Thương mại(2)	Luật Thuế(1)	Điểm TB	Xếp loại
21	2453801010023	Châu Thị Lan Ngọc	15/10/2001	9.3	9.0	9.6	8.6	8.9	8.3	8.9	9.1	Xuất sắc
22	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20/04/2006	8.7	8.9	8.5	8.9	8.5	8.1	8.2	8.6	Giỏi
23	2453801010026	Chau Thi	03/03/1998	8.0	7.7	3.1	7.5	2.8	2.0	5.0	5.1	Trung bình
24	2453801010027	Nguyễn Tấn Thủ	01/01/1982	8.7	9.2	9.6	8.6	9.5	8.5	7.6	9.0	Xuất sắc
25	2453801010028	Ngô Lê Thái Thuận	08/05/2004	8.6	8.9	9.0	8.0	8.5	6.5	7.9	8.4	Giỏi
26	2453801010029	Khuru Thị Thanh Thuý	11/11/1999	8.9	9.2	9.6	9.7	9.9	9.3	8.2	9.3	Xuất sắc
27	2453801010030	Nguyễn Ngọc Trí	01/04/1995	8.0	9.0	9.1	8.9	8.8	7.1	6.2	8.3	Giỏi
28	2453801010031	Nguyễn Thanh Tùng	10/07/1987	8.5	8.9	9.4	8.5	7.7	8.4	8.1	8.6	Giỏi
29	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	10/01/1979	9.5	8.2	9.6	8.8	9.3	8.4	8.4	9.1	Xuất sắc
30	2453801010035	Khuru Thuý Vy	05/02/2005	9.3	8.9	9.0	8.9	9.1	8.6	8.5	9.0	Xuất sắc

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 17 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái